|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH BẮC GIANG**  Số: /2021/QĐ-UBND | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Bắc Giang, ngày tháng năm 2021* |

**DỰ THẢO**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp và trách nhiệm**

**quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn**

**tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND**

**ngày 27 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh Bắc Giang**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;*

*Căn cứ Luật An toàn thực phẩm ngày 17/6/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 15/6/2018;*

*Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định thi hành chi tiết một số điều của Luật An toàn thực phẩm*

*Căn cứ Nghị định số 67/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 51/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế thuộc Uỷ ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Phòng Y tế thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số /TTr-SYT ngày / /2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp và trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 15/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Bắc Giang**

1. Điểm c, khoản 1 Điều 3 được sửa đổi như sau:

“c) Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (trừ các cơ sở thực phẩm do Trung ương quản lý) trên địa bàn tỉnh do cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; Giấy chứng nhận địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.”

2. Khoản 2 Điều 3 được bổ sung như sau:

“d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn do UBND cấp huyện, thành phố cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã; Giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.”

3. Khoản 3 Điều 3 được bổ sung như sau:

“d) Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm; cơ sở sản xuất nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên, nước đá dùng liền, nước đá dùng để chế biến thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm bổ sung, thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, các vi chất bổ sung vào thực phẩm; cơ sở sản xuất thực phẩm khác không được quy định tại danh mục của Bộ Công Thương, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên địa bàn thuộc diện không phải đăng ký kinh doanh, không phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm.”

**Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện**

Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ảnh kịp thời về Sở Y tế để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 2;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp (b/c);  - Bộ Y tế (b/c);  - TT Tỉnh uỷ; TT HĐND tỉnh (b/c);  - Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang; - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh; - Ủy ban MTTQ, các tổ chức CT-XH tỉnh;  - Văn phòng, các Ban HĐND tỉnh;  - HĐND, UBND các huyện, thành phố;  - VPUBND tỉnh: LĐVP, TKCT, TH, TTTT;  - Lưu: VT, KGVX. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Mai Sơn** |